

Bản án số: 92/2024/DS-PT

Ngày: 03/4/2024

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân

Ông Đinh Phước Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 308/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 350/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N; địa chỉ: thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Mỹ C – Thuộc Công ty L; địa chỉ: Tầng C, lô N Khu đô thị A, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị T; địa chỉ: thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1966; địa chỉ: thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Việt N1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q; địa chỉ trụ sở làm việc: số F đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Đinh Tuấn V; địa chỉ: thôn H, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

Anh Đinh Thiên B; địa chỉ: số A khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Chị Đinh Trần Bảo Q; địa chỉ: thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

Chị Đinh Trần Thúy V1; địa chỉ: thôn L - D, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: số B đường P, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Quang Đ - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: nguyên đơn bà Trần Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/5/2022, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

Nguyên nguồn gốc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi là của ông B1 (không rõ họ) khai hoang sử dụng sinh sống cùng vợ và con gái là bà Phạm Thị H (hiện ông B1 và vợ đã chết). Đến khoảng năm 1979 gia đình ông B1 bỏ hoang đất không sử dụng nữa thì lúc này cha bà N là Trần Tiến M, chồng bà N ông Đinh Thiên H1 (hiện đã chết) và ông V2 khai phá lại đất, mỗi người sử dụng một phần đất của ông B1, ông M sử dụng phần đất nhiều hơn. Ông V2 sử dụng một thời gian thì cho ông M, sau đó ông M tiếp tục cho ông Bùi Công T1 sử dụng đất và cuối cùng ông Bùi Công T1 đổi đất cho cha bà N là Trần Tiến M. Quá trình sử dụng đất cha bà N trồng bạch đàn, mì, mía, lang. Đến khoảng năm 2003-2004, sau khi chính quyền địa phương mở đường bê tông đi qua thửa đất của cha bà N để lại (nay là thửa đất số 110) thì bà N chuyển sang trồng cây keo. Đến ngày 30/10/2014 bà N được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ có số phát hành BS540545, số vào sổ CH02444 thửa đất số 110, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 721,9m².

Đối với bụi tre (hiện đã chết chỉ còn gốc), cây xoài thì bụi tre có từ khi ông B1 khai hoang sử dụng đất, còn cây xoài là tự mọc. Vào năm 2019 bà Trần Thị T, ông Nguyễn Đức T2 tự ý đổ đất và chôn trụ bê tông chiếm đất của bà N, sự việc đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành.

Nay bà N yêu cầu bà Trần Thị T, ông Nguyễn Đức T2 phải trả lại cho bà N và các con của bà N là anh Đinh Tuấn V, anh Đinh Thiên B, chị Đinh Trần Bảo Q, chị Đinh Trần Thúy V1 diện tích đất 114,9m² tại thửa đất số 110, tờ bản đồ

số 29, địa chỉ: thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận: Phía Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất số 110, có chiều dài 1.41m, phía Đông giáp đường bê tông, có chiều dài 26.20m, phía Tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 110, có chiều dài 4.77m + 5.94m + 12.13m + 6.02m, phía Nam giáp đất bà T đang sử dụng, có chiều dài 5.70m + 8.94m cho bà N quản lý, sử dụng. Buộc bà Trần Thị T, ông Nguyễn Đức T2 tháo dỡ, thu dọn 04 trụ bê tông có đường kính 12cm x 16cm x 1,5m và thu dọn một cây mít còn nhỏ.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ bà N đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị T, người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị X trình bày:

Nguyên nguồn gốc của diện tích đất 114,9m² tại thửa đất số 110, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi mà bà N đang tranh chấp với bà T là của cha mẹ bà T ông Trần Đ1, bà Phạm Thị B2 (hiện đã chết) khai hoang. Trước năm 1963 cha mẹ bà T có khai hoang diện tích đất khoảng 3.921m², khi khai hoang chỉ toàn cây hoang dại, chưa có ai canh tác sử dụng. Sau khi khai hoang cha mẹ bà T có trồng cây mít, xoài, tre và một số loại cây khác, cây xoài, bụi tre hiện đã chết chỉ còn gốc tại vị trí đất tranh chấp là do bà T trồng. Tại thời điểm cha mẹ bà T khai hoang đất xung quanh còn có ông B1, ông H2 cùng khai hoang đất, ngoài ra không có ai khác. Đến năm 1963 do bị sạt lở núi đèo Đ mất an ninh khu Ba Động nên cha mẹ bà T xuống thành phố Q sinh sống (trước đây là thị xã Q). Sau giải phóng năm 1975 bà T tiếp tục trở về sinh sống canh tác ổn định trên thửa đất của cha mẹ đã khai hoang trước đó, lúc này bà T có khai hoang mở rộng thêm diện tích đất khoảng 2.843m² liền kề với đất cha mẹ bà T đã khai hoang và giáp ranh với đất ông B1 (giáp ranh với diện tích đất của bà N đang sử dụng hiện nay), ông B1 sinh sống cùng con gái là Phạm Thị H, sau một thời gian thì ông B1 bỏ hoang đất không sử dụng. Đến khoảng năm 1982 ông V2 và ông Trần Tiến M (cha bà N) mỗi người sử dụng mỗi phần đất của ông B1. Ông V2 sử dụng đất một thời gian thì ông V2 không sử dụng nữa mà cho ông Phạm Văn M1 (B), ông M1 tiếp tục cho lại ông Bùi Công T1 và cuối cùng ông Bùi Công T1 đổi đất cho ông Trần Tiến M (cha bà N), cha bà N cũng không sinh sống tại đây mà chỉ trồng cây bạch đàn, mì. Vào khoảng năm 2000, 2001 chính quyền địa phương mở đường bê tông đi qua phần đất của cha mẹ bà T đã khai hoang trước đó, lúc này tại vị trí đất của cha bà N chỉ có khoảng 4m- 5m mặt tiền giáp đường bê tông theo hiện trạng sử dụng đất thực tế hiện nay của bà N, còn lại là phần đất mặt tiền của cha mẹ bà T khai hoang giáp đường bê tông nhưng không hiểu sao lại nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N, trên phần đất này có cây xoài, bụi tre rất to, mỗi khi cần dùng việc gì liên quan đến cây tre các con, cháu bà T liên tục ra chặt tre để sử dụng và những người hàng xóm sống tại đây cũng luôn hỏi xin tre của bà T.

Đến khoảng năm 2004 vợ chồng bà N trồng cây keo trên phần đất của cha bà N để lại. Khi bà N trồng cây keo vì bụi tre của bà T rất lớn che khuất ánh sáng ảnh hưởng đến sự phát triển cây keo của bà N nên bà N có liên hệ yêu cầu bà T xử lý bụi tre, nhưng bà T không đồng ý. Vì đã quá lớn tuổi (trên 90 tuổi) nên quá trình quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp và diện tích đất khoảng

2.843m² (do bà T khai hoang sau năm 1975) bà T chưa thực hiện việc đăng ký, kê khai để cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên bà T luôn quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất từ năm 1975 cho đến nay.

Vào năm 2019 bà T tiến hành đổ đất và chôn 04 trụ bê tông để làm ranh giới đất với bà Trần Thị N. Nay bà N yêu cầu bà T trả cho bà N, anh Đinh Tuấn V, anh Đinh Thiên B, chị Đinh Trần Bảo Q, chị Đinh Trần Thúy V1 diện tích đất 114,9m² tại thửa đất số 110, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi và tháo dỡ 04 trụ bê tông, thu dọn một cây mít thì bà T không đồng ý. Vì bà T hoàn toàn không biết việc bà N tự ý kê khai phần diện tích đất 114,9m² của bà T để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N tại thửa đất số 110, tờ bản đồ số 29.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ bà T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về chi phí giám định bị đơn tự nguyện chịu toàn bộ.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện B trình bày:

Công văn số 1222/UBND ngày 29/6/2022 của UBND huyện B xác định bà Trần Thị N kê khai đăng ký thửa đất số 110, tờ bản đồ số 29, diện tích là 578,9m², tuy nhiên, theo kết quả đo đạc địa chính thửa đất cùng ngày 21/9/2013 thì thửa đất số 110, tờ bản đồ số 29 có diện tích 721,9m² nên hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N có những mâu thuẫn chưa phù hợp với quy định, cần kiểm tra, rà soát để giải quyết đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật (BL 73, 74) và Công văn số 507/UBND ngày 21/3/2023 của UBND huyện B xác định diện tích đất 114,9m² tại thửa đất số 110, tờ bản đồ số 29, xã B mà bà Trần Thị N và bà Trần Thị T tranh chấp có nguồn gốc là của bà Trần Thị T quản lý, sử dụng.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Diện tích đất 114,9m² tại thửa đất số 110, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi và tài sản trên đất là cây xoài, bụi tre (đã chết hiện chỉ còn gốc) bị đơn quản lý, sử dụng từ năm 1975 cho đến nay nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N về việc buộc bà Trần Thị T phải tháo dỡ 04 trụ bê tông có đường kính 12cm x 16cm x 1,5m, thu dọn một cây mít mới trồng trả lại cho bà N, anh Đinh Tuấn V, anh Đinh Thiên B, chị Đinh Trần Bảo Q, chị Đinh Trần Thúy V1 diện tích đất 114,9m² tại thửa đất số 110, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Hủy GCNQSDĐ do UBND huyện B cấp cho hộ bà Trần Thị N vào ngày 30/10/2014 đối với thửa đất số 110, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 721,9m². Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn tự nguyện chịu chi phí giám định.

Tại biên bản làm việc ngày 21/10/2021 Ủy ban nhân dân(UBND) xã B trình bày:

UBND xã B xác nhận diện tích đất bà N và bà T tranh chấp, trên đất có cây xoài, bụi tre hiện đã chết chỉ còn gốc là của bà Trần Thị T. Năm 2013 bà N kê khai diện tích đất tranh chấp vào thửa đất số 110 để làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ tuy UBND xã có đề nghị nhưng hiện nay qua xem xét hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ của bà N thì UBND xã nhận thấy hồ sơ còn thiếu một số thủ tục theo quy định của pháp luật nên việc cấp giấy CNQSDĐ cho bà N không đảm bảo theo trình tự thủ tục quy định (BL 246, 247, 248).

Tại biên bản làm việc ngày 18/3/2022 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q trình bày:

Năm 2013, 2014 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Quảng Ngãi thẩm tra toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu do dự án V thực hiện để đề nghị cấp GCNQSDĐ. Quá trình thẩm tra do số lượng hồ sơ quá lớn nên dẫn đến sai sót trong việc đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ lần đầu đối với thửa đất số 110, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cho bà Trần Thị N (BL 256, 257, 258).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9, 14 Điều 26, Điều 34, 37, 147, 157, 160, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26; Điều 203 Luật đất đai năm 2013, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N về việc buộc bà Trần Thị T phải tháo dỡ 04 trụ bê tông có đường kính 12cm x 16cm x 1,5m, thu dọn một cây mít mới trồng trả lại cho bà Trần Thị N, anh Đinh Tuấn V, anh Đinh Thiên B, chị Đinh Trần Bảo Q, chị Đinh Trần Thúy V1 diện tích đất 114,9m² tại thửa đất số 110, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận: Phía Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất số 110, có chiều dài 1.41m, phía Đông giáp đường bê tông, có chiều dài 26.20m, phía Tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 110, có chiều dài 4.77m + 5.94m + 12.13m + 6.02m, phía Nam giáp đất bà T đang sử dụng, có chiều dài 5.70m + 8.94m.

2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BS 540545, sổ vào sổ CH02444 của UBND huyện B cấp cho hộ bà Trần Thị N vào ngày 30/10/2014 đối thửa đất số 110, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 721,9m².

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 25/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhận đơn kháng cáo ghi ngày 23/8/2023 và ngày 19/9/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhận được đơn kháng cáo ghi ngày 14/9/2023 của nguyên đơn bà Trần Thị N, với nội dung: Yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và nguyên đơn bà Trần Thị N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo sửa Bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và hủy GCNQSDĐ của nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật; nguyên đơn kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới đề nghị giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị N, thấy:

[1.1] Về nguồn gốc đất: Qua lời khai của các đương sự, những người sinh sống lâu năm biết rõ nguồn gốc đất và đã từng sử dụng thửa đất số 110, ý kiến của chính quyền địa phương xã B, ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện B có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp 114,9m² tại thửa đất số 110, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi có nguồn gốc là của ông Trần Đ1, bà Phạm Thị B2 (hiện đã chết và là cha mẹ bà Trần Thị T) khai hoang trước năm 1963 và sau giải phóng năm 1975 bà Trần Thị T quản lý, sử dụng diện tích đất nêu trên cho đến nay. Sau khi cha mẹ bà N ông Trần Tiến M, bà Huỳnh Thị Xuân T3 và chồng Đinh Thiên H1 chết thì bà N quản lý, sử dụng phần diện tích đất tại thửa đất số 110. Đến ngày 21/9/2013 bà N được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 30/10/2014. Qua xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N không có tài liệu thể hiện chủ quản lý đất liền kề (bà Trần Thị T) ký xác nhận ranh giới, mốc giới sử dụng đất để xác định ranh giới, mốc giới đất là chưa đúng với Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T4, Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[1.2] Tại Kết luận giám định số 921/KLGD-PC09 ngày 26/10/2021 của Công an tỉnh Q xác định chữ ký người sử dụng đất (Tạm, Trần Thị T) trong bản mô tả, ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 17/4/2013 không phải của bà Trần Thị T phù hợp với lời trình bày của bà T. Mặt khác tại biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2022 bà N thừa nhận chữ ký (N) người sử dụng đất liền kề trong bản mô tả, ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 17/4/2013 cũng không phải của bà N. Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 28/4/2020 tại UBND xã B bà N trình bày “*Vì hòa khí tình làng nghĩa xóm nên đã có liên hệ với bà T để bà N chặt phá bụi tre*”. Các ông Nguyễn Minh H3, Nguyễn Mạnh C1 là những người sinh sống đối diện vị trí đất tranh chấp đều xác nhận quá trình sinh sống có xin cây tre của bà Trần Thị T để sử dụng và đến khoảng năm 2018 bụi tre chết. Tại phiên tòa sơ thẩm bà Trần Thị N trình bày: Bà N không kê khai để được cấp giấy CNQSD đất đối với diện tích 721.9m² (trong đó có diện tích đất tranh chấp 114,9m²) mà cán bộ tự kê khai rồi sau đó đưa cho bà N ký đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất; lời trình bày của bà N phù hợp với tài liệu đã thu thập: “Trong sổ mục kê, sổ địa chính ghi tên bà Trần Thị N ngày 30/6/2015 (BL: 230, 232, 243, 244) nhưng cấp GCNQSDĐ lại có trước, cấp ngày 30/10/2014 (BL: 12). Đúng ra, phải kê khai trước rồi sau đó mới cấp giấy CNQSDĐ. Do đó việc cấp giấy CNQSDĐ tại thửa đất số 110, tờ bản đồ số 29, diện tích 721.9m² cho bà N không đúng trình tự thủ tục được pháp luật quy định tại Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị N đối với thửa đất số 110, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 721,9m² là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị T.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị N đồng thời hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị N là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại Tòa án cấp phúc thẩm nguyên đơn bà Trần Thị N kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị N là người cao tuổi kháng cáo được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị N và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị N không phải chịu.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ III);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn